

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2021

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty CPXL Thành An 96.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400100545 cấp lần 9 ngày 03/10/2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ: 124.197.870.000 đồng được chia thành 12.419.787 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 124.197.870.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Văn Trỗi - Phường Hoà Thuận Đông - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng
- Số điện thoại: (0236) 3615 333
- Số fax: (0236) 3615 335
- Website: www.thanhan96.vn
- Mã cổ phiếu: TA9

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 tiền thân là Công ty xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An – Bộ Quốc Phòng được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25/10/2007 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy CNĐKDN số 0400100545 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần 9 ngày 03/10/2018. Với số vốn điều lệ ban đầu là 17.110.000.000 đồng. Qua các lần tăng vốn đến nay vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 124.197.870.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là thực hiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đê đập, bến cảng, công trình cấp thoát nước, công trình bưu chính viễn thông, các công trình phục vụ Quốc phòng, an ninh... Công ty hoạt động trên địa bàn cả nước. Công ty hoạt động với phương châm nâng cao chất lượng công trình là yếu tố hàng đầu để tồn tại và phát triển. Các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và được các chủ đầu tư

đánh giá cao là yếu tố thành công của Thành An 96 (TA9).

Trong những năm qua Công ty đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Ban lãnh đạo Tổng công ty, các cơ quan chức năng cấp trên và sự đồng hành của quý cổ đông. Đồng thời với tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của HĐQT, Ban Giám đốc sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, người lao động trong Công ty qua các thời kỳ. Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng thương hiệu ngày càng vững chắc trong cơ chế thị trường.

Với các chỉ số tài chính hàng năm lành mạnh ổn định, đều đạt và vượt tiêu chí đánh giá, lợi nhuận luôn đạt theo kế hoạch đề ra, được thể hiện qua báo cáo tài chính hàng năm đã được cơ quan kiểm toán xác nhận. Đặc biệt năm 2014 Công ty đạt thứ hạng cao về chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp năm 2014 do báo diễn đàn doanh nghiệp, viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp, hội kế toán và kiểm toán Việt Nam, Hội doanh nhân trẻ Việt Nam, Hội các nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam chứng nhận.

Quá trình hình thành và phát triển Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng :

- Huân chương lao động hạng Nhất;
- Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì;
- Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen;
- Bộ xây dựng tặng thưởng 21 Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng;
- Bằng khen và cờ đảm bảo chất lượng năm 2008, 2010, 2014 và nhiều phần thưởng cao quý của Bộ quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Binh đoàn 11, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, ủy ban nhân dân thành phố Hội An.

Hơn 40 năm kinh nghiệm Công ty đã trở thành doanh nghiệp hạng 1 với đa ngành nghề, đa sản phẩm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Đã khẳng định được thương hiệu Công ty CPXL Thành An 96 là một trong những Công ty xây dựng hàng đầu của quân đội nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Công ty đăng ký và trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 3868/UBCK - QLPH ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Và được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết tại Sở theo Quyết định số 328/QĐ - SGDHN ngày 04/06/2015.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình đường sắt và đường bộ, thủy lợi, thủy điện; Cho thuê máy móc, thiết bị; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm

vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng,... và các ngành khác theo nội dung giấy phép kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh:

Trái dài trên tất cả các tỉnh thành cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

+ Mô hình quản trị:

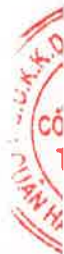
Công ty CPXL Thành An 96 được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty Cổ phần 51% vốn Nhà nước, hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng đã niêm yết trên SGDCK Hà Nội. Mô hình quản trị Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (5 thành viên);
- Ban kiểm soát (3 thành viên),
- Ban Giám đốc (Giám đốc và 2 phó giám đốc).

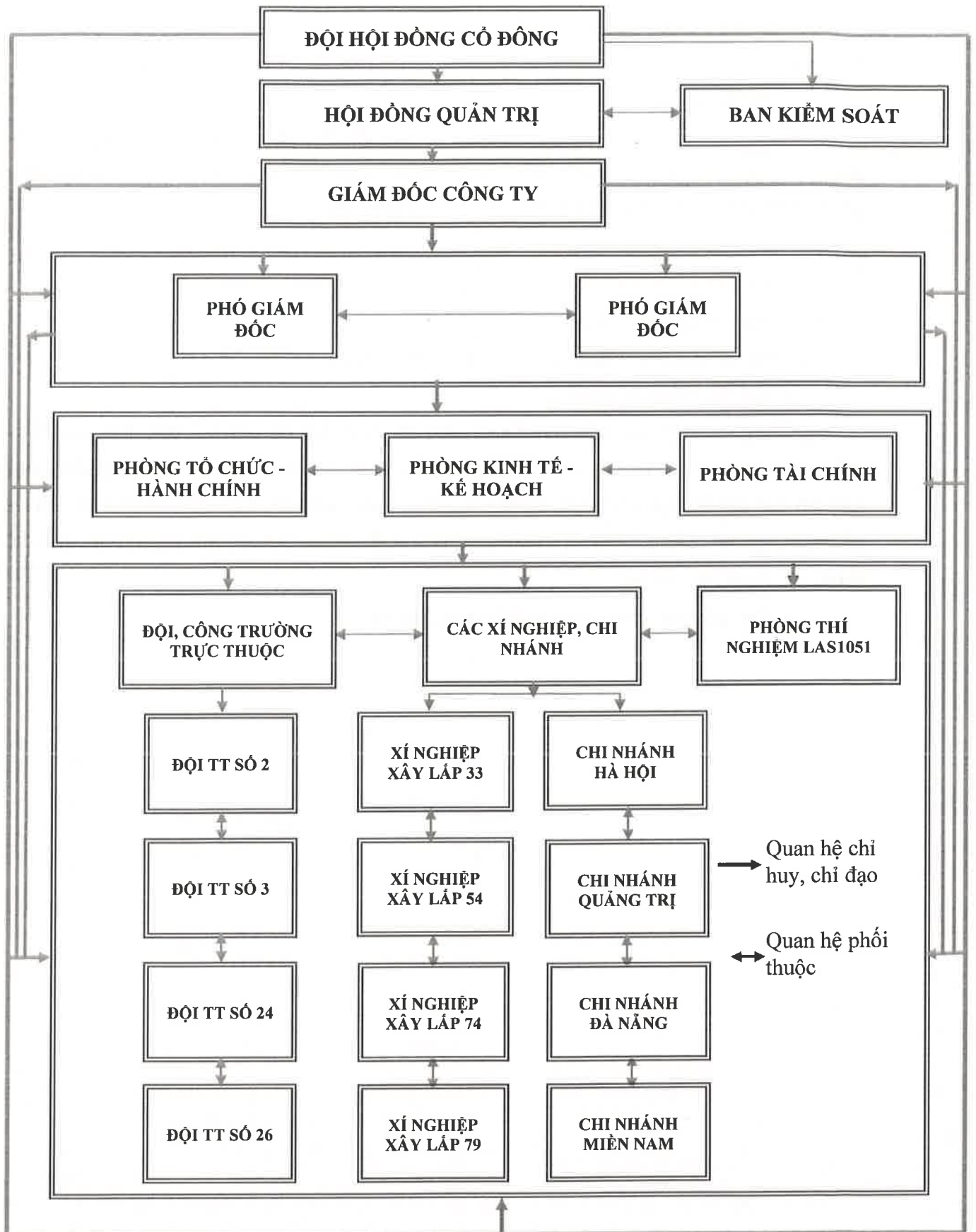
+ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu lực các chính sách và đạt được các mục tiêu đề ra.

+ Các công ty con, công ty liên kết: không



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY (Năm 2021)



4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Ổn định và mở rộng thị phần sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022 với GTSX **1.850 tỷ đồng**, doanh thu **1.670 tỷ đồng**. Lợi nhuận: **25,05 tỷ đồng**, chia cổ tức **65%LNST**.

+ Tiếp tục phát huy những ngành nghề của Công ty như: Xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó mở rộng thêm hoạt động ngành nghề kinh doanh như: thí nghiệm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, du lịch....

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đấu thầu, hướng đầu tư vào các dự án có quy mô.

+ Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn cũng như tạo công ăn việc làm cho người lao động trong toàn Công ty.

+ Tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại đáp ứng công việc với quy mô lớn.

- Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty:

+ Công ty luôn đề cao công tác bảo vệ môi trường, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động sản xuất kinh doanh. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Tổ chức và làm tốt phong trào quần chúng tham gia công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Công ty. Đây cũng chính là những hoạt động thu hút được đông đảo người lao động tham gia và mang lại hiệu quả sâu rộng.

+ Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp toàn diện, bền vững, xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục, tạo việc làm đầy đủ và việc làm tốt cho tất cả mọi người.

5. Các rủi ro:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 cũng như các doanh nghiệp khác là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi

suất, lạm phát tăng cao, dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Bên cạnh các yếu tố về môi trường kinh doanh, việc biến đổi khí hậu gây ra các hiện tượng thời tiết cũng làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong những năm qua do đại dịch Covid 19, các công trình phải chịu ảnh hưởng của việc dừng, giãn tiến độ theo yêu cầu của địa phương để phòng chống dịch, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CB, CNV và người lao động Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty so với năm trước và so với kế hoạch như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

| T T | Nội dung | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh (%) | |
|--------|----------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|--------------|-------------|
| | | | | | Năm trước | Kế hoạch |
| 1 | Giá trị sản xuất | 1.441.628.913 | 1.300.000.000 | 1.392.723.116 | 97% | 107% |
| 2 | Doanh thu | 1.491.344.499 | 1.106.702.000 | 1.229.060.223 | 82% | 111% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 29.989.695 | 22.134.040 | 24.615.996 | 82% | 111% |
| 4 | Thuế TNDN | 6.673.543 | 4.426.808 | 5.005.472 | 75% | 113% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 23.316.153 | 17.707.232 | 19.610.524 | 84% | 111% |
| 6 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | 12% | 65% LNST (≈9,27%) | 65% LNST (≈10,26%) | 86% | 111% |

Năm 2021, HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và sự nỗ lực phấn đấu của người lao động trong toàn Công ty. Công ty CPXL Thành An 96 hoàn thành vượt chỉ tiêu về GTSX, Doanh thu đạt được kết quả như sau. Giá trị sản xuất tăng 7%, Doanh thu tăng 11% so với kế hoạch.

Căn cứ vào Luật lao động, các quy chế tại Công ty và thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã cam kết với người lao động và đúng quy định của pháp luật và cấp trên. Người lao động đảm bảo được hưởng các chế độ chính sách theo quy định như tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ.... Trả lương theo đúng quy định của Nhà nước và thỏa ước lao động tập thể, đúng thời gian và công bằng. Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành. Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên và con các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Người lao động gián tiếp và trực tiếp tại các công trường được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo quy định của Công ty và quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm Công ty không có các khoản đầu tư và thực hiện các dự án lớn.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: 1.000đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | So sánh (%) |
|----|-----------------------------|---------------|-----------------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.150.885.235 | 1.428.708.781 | 124% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.484.939.968 | 1.226.156.406 | 83% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | 28.863.892 | 23.653.545 | 82% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 1.125.804 | 962.452 | 85% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 29.989.695 | 24.615.997 | 82% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 23.316.153 | 19.610.524 | 84% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 12% | 65% LNST (≈10,26%) | 86% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | Ghi chú |
|-----------|---|------|-------------|-------------|------------|
| 1. | Khả năng thanh toán | | | | |
| | - Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,09 | 1,08 | |
| | - Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn] | Lần | 0,86 | 0,85 | |
| 2. | Cơ cấu vốn | | | | |
| | - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,87 | 0,89 | |
| | - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 6,59 | 8,37 | |
| 3. | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| | - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 3,2 | 3,7 | |
| | - Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | Vòng | 1,2 | 1,0 | |
| 4. | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 1,57 | 1,6 | |
| | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 15,4 | 12,9 | |
| | - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 2 | 1,4 | |
| | - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT | % | 1,94 | 1,93 | |
| | - Thu nhập trên cổ phần (EPS) | đồng | 1.572,68 | 1.310,55 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành : 12.419.787 cổ phần

Trong đó: - Cổ phần được chuyển nhượng tự do : 12.419.787 cổ phần

- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 10/12/2021)

| TT | Cổ đông | Số cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----------|---|--------------|-------------------|--------------|---------|
| I | Cổ đông trong nước | 1.009 | 12.006.020 | 96,7% | |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 1 | 6.334.373 | 51,0% | |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 6 | 25.532 | 0,2% | |
| 3 | Cổ đông cá nhân | 1.002 | 5.646.115 | 45,5% | |
| II | Cổ đông nước ngoài | 12 | 413.767 | 3,3% | |
| 1 | Cổ đông cá nhân | 10 | 25.874 | 0,2% | |
| 2 | Cổ đông tổ chức | 2 | 387.893 | 3,1% | |
| | Tổng cộng | 1.021 | 12.419.787 | 100% | |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| | Cổ đông lớn: Tổng công ty Thành An (cổ đông Nhà nước) | 1 | 6.334.373 | 51,0% | |

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên Công ty hầu như không có sự tác động lên môi trường về phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp. Trụ sở Công ty được xây dựng với sân vườn nhiều cây xanh, ít ảnh hưởng đến môi trường. Do đó chưa đưa ra được các sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Do đặc thù ngành xây dựng việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu là: Sắt thép, xi măng, cát, đá.... Công ty tiêu thụ qua các nhà cung ứng để sản xuất. Công ty luôn có quan điểm tiết kiệm nguyên liệu trong tham gia sản xuất để hạn chế tác động đến môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Việc tiêu thụ năng lượng rất ít. Với hầu hết các máy móc sản xuất, thiết bị chiếu sáng của Công ty là các thiết bị tiết kiệm điện, theo đúng tiêu chuẩn. Công ty có sử dụng các thiết bị tận dụng nguồn năng lượng sạch và thân thiện với môi trường như: năng lượng mặt trời, luôn tuyên truyền người lao động sử dụng năng lượng hợp lý, không lãng phí để tránh tác động đến môi trường.

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn nước tiêu thụ chủ yếu để sinh hoạt và sản xuất, lấy từ nguồn nước sạch, tiêu thụ nước được tiết kiệm tối đa. Nguồn nước sử dụng đúng mục đích, không lãng phí, nước thải đúng quy định đảm bảo nguyên tắc về bảo vệ môi trường. Lượng nước tiêu thụ trong sản xuất để xây dựng không nhiều và tổng lượng nước sử dụng tùy theo từng dự án công trình.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp. Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình, quy định về vệ sinh an toàn lao động đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế phát sinh. Do vậy, trong quá trình hoạt động Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động về công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty. Ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn lao động, các vi phạm môi trường.

- Nguồn nguyên vật liệu dư thừa trong quá trình sản xuất kinh doanh được phân loại tái sử dụng, thu gom xử lý theo đúng quy định.

- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

+ Tổng số lao động bình quân trong năm là : 2.216 người

+ Thu nhập bình quân : 13.077 nghìn đồng/người/tháng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, CNV.

+ Thực hiện chế độ tham quan nghỉ mát hằng năm, chế độ BHXH, giờ làm việc, nghỉ lễ tết theo đúng quy định.

+ Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CB, CNV.

+ Cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định, người lao động được tổ chức quản triệt và học tập thường xuyên về an toàn lao động.

+ Khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty.

+ Hỗ trợ người lao động, gia đình khi gặp khó khăn, ốm đau. Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên và con các cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong học tập.

- Hoạt động đào tạo người lao động:

Thường xuyên cử CB, NLD tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp tập huấn, thi tay nghề giúp người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác. Qua lớp tập huấn, người lao động không chỉ được bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ mà còn có cơ hội giao lưu học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình công tác tại đơn vị, từ đó góp phần thực hiện tốt các quy định, xây dựng đơn vị ngày càng phát triển.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội như chương trình: Quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ phòng chống thiên tai, xây dựng nhà đồng đội, nhà tình nghĩa...

- Thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình chính sách, người già neo đơn, các trung tâm bảo trợ xã hội, học sinh nghèo vượt khó,...

- Tích cực ủng hộ các chương trình của địa phương như: ủng hộ Phòng chống đại dịch Covid-19, chương trình chống bão lụt... Đặc biệt trong 2 năm vừa qua Công ty đã có những đóng góp rất lớn trong công tác phòng chống dịch Covid với các địa phương.

- Nhận phụng dưỡng 1 mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn với mức phụng dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tình hình ngành xây lắp gặp không ít khó khăn do dịch bệnh, bão lụt, giá cả thị trường luôn biến động, công tác tìm kiếm việc làm cạnh tranh gay gắt... Ban giám đốc Công ty đã vượt qua mọi khó khăn điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra của năm 2021 như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

| T T | Nội dung | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | So sánh (%) | |
|--------|----------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|--------------|-------------|
| | | | | | Năm trước | Kế hoạch |
| 1 | Giá trị sản xuất | 1.441.628.913 | 1.300.000.000 | 1.392.723.116 | 97% | 107% |
| 2 | Doanh thu | 1.491.344.499 | 1.106.702.000 | 1.229.060.223 | 82% | 111% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 29.989.695 | 22.134.040 | 24.615.996 | 82% | 111% |
| 4 | Thuế TNDN | 6.673.543 | 4.426.808 | 5.005.472 | 75% | 113% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 23.316.153 | 17.707.232 | 19.610.524 | 84% | 111% |
| 6 | Tỷ lệ chi trả cổ tức | 12% | 65% LNST (≈9,27%) | 65% LNST (≈10,26%) | 86% | 111% |

Ban lãnh đạo và CB, CNV trong toàn Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tiết kiệm chi phí, đẩy nhanh tiến độ công trình... để đạt được những hiệu quả sản xuất như trên. Công ty vẫn đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động trong toàn Công ty. Các chỉ tiêu chính về hoạt động SKKD của Công ty tăng đáng kể như: GTSX tăng hơn 7% và doanh thu tăng 111% so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 là: **1.428,7 tỷ đồng**, tăng **24%** so với cùng kỳ năm trước (**1.150,9 tỷ**), trong đó tài sản ngắn hạn là: **1.379,06 tỷ đồng**, tài sản dài hạn là **49,65 tỷ đồng**. Công ty không bị ảnh hưởng nợ xấu trong năm 2021.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng Nợ phải trả của Công ty là **1.276,2 tỷ đồng**, trong đó nợ ngắn hạn là **1.276,2 tỷ đồng**, Nợ dài hạn là **0 tỷ đồng**. Công ty không có bất cứ khoản nợ quá hạn nào.

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là **131,1 tỷ đồng**. Các khoản dư vay này chưa đến hạn trả. Chi phí lãi vay năm 2021 giảm đáng kể so với năm 2020 với số giảm là: 41% (**10,8 tỷ/18,4 tỷ**). Do Công ty thu được một số công nợ lớn và tạm ứng tiền của các công trình, giảm sử dụng tiền vay vốn ngân hàng làm giảm lãi vay phải trả trong năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công ty duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy tinh giảm, gọn nhẹ và đảm bảo hiệu quả quản lý, điều hành.

- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 được duy trì thường xuyên và liên tục cải tiến, hàng năm đều có tổ chức quản lý hệ thống chất lượng ISO kiểm tra đánh giá.

- Từng bước hoàn thiện các chính sách, quy định và hệ thống quy chế quản trị của Công ty, hướng tới các phương pháp quản lý hiện đại, hiệu quả cao, minh bạch, rõ ràng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty đã đề ra phương hướng kế hoạch phát triển Công ty năm 2022 như sau:

- Giá trị sản xuất : 1.850 tỷ đồng
- Doanh thu : 1.670 tỷ đồng
- Vốn điều lệ : 124,197 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 25,05 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 20,04 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức : 65%LNST

- Tập trung vào công tác tuyển dụng, đào tạo xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực doanh nghiệp. Chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ.

- Tích cực tham gia tìm nguồn nguyên vật liệu mới, đẩy mạnh sáng kiến sản xuất mới thay thế nguồn nguyên vật liệu truyền thống, nâng cao chất lượng công trình, tiết giảm chi phí.

- Quản lý công tác đầu tư, đầu tư tăng năng lực sản xuất có chọn lọc, quá trình đầu tư thực hiện theo đúng quy trình thủ tục, đúng quy chế đã ban hành.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CB, CNV.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh đảm bảo tăng hiệu quả cho đơn vị.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sử dụng

0010
ÔNG
HÀN X
HÀNH
96
CHAU

tiết kiệm nguồn tài nguyên, năng lượng, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đối với môi trường.

- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm đối với địa phương và với cộng đồng.

- Tạo công ăn việc làm, chăm lo đời sống người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài cùng xây dựng Công ty phát triển ngày càng vững mạnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm thiểu tối đa chi phí về mọi mặt.

- Công tác an toàn lao động luôn được Công ty quan tâm và đặt lên hàng đầu.

- Hội đồng quản trị cùng ban điều hành Công ty đã đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại từng thời điểm và có chỉ đạo cụ thể thông qua các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, họp định kỳ...

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc:

Trong năm 2021, HĐQT đã kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban giám đốc trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá việc thực hiện kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế. Xây dựng kế hoạch SXKD và chỉ đạo thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra.

- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty để quản lý chặt chẽ các chi phí, phòng ngừa hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Điều lệ Công ty Quy chế hoạt động SXKD và xây dựng Công ty năm 2021 và việc thực hiện các quy định trong quản lý điều hành khác của Ban giám đốc.

- Giám sát các quyết định tuyển dụng lao động, chế độ chính sách tiền lương và đầu tư, thanh xử lý thiết bị xe máy thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế Công ty đã ban hành.

- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kịp thời, chính xác.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2022 đề ra, HĐQT xác định không ngừng nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với các nội dung sau:

- Chỉ đạo, giám sát ban điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022.

- Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường sản xuất, nâng cao chất lượng công trình, chú trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo vệ và phát triển thương hiệu Công ty, phát triển nguồn nhân lực nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty.

- Đảm bảo hài hoà lợi ích phát triển cho các cổ đông.

- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT đều tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ. Công ty, ban hành đầy đủ Nghị quyết sát thực. Giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban giám đốc điều hành.

Thành viên và cơ cấu HĐQT tại thời điểm 31/12/2021 như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần sở hữu | | | Tỷ lệ (%) |
|----|---------------------|---------------|------------------|----------------|------------------|--------------|
| | | | Nhà nước | Cá nhân | Tổng cộng | |
| 1 | Phan Xuân Bằng | Chủ tịch HĐQT | 1.266.875 | 10.000 | 1.276.875 | 10,28 |
| 2 | Đặng Đình Khiêm | Phó CT HĐQT | 1.266.875 | 83.483 | 1.350.358 | 10,87 |
| 3 | Hoàng Đức Trúc | Ủy viên HĐQT | 3.800.623 | 125.404 | 3.926.027 | 31,61 |
| 4 | Trịnh Thị Thu Hương | Ủy viên HĐQT | | 2.292 | 2.292 | 0,02 |
| 5 | Nguyễn Xuân Hà | Ủy viên HĐQT | | 24.278 | 24.278 | 0,19 |
| | Tổng cộng | | 6.334.373 | 245.457 | 6.579.830 | 52,98 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông. Trong năm 2021, HĐQT với 5 thành viên đương nhiệm đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ

của mình theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra các quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- HĐQT đã họp các phiên họp định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật và quy chế của HĐQT thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT như: bổ nhiệm cán bộ, chi trả cổ tức, xây dựng kế hoạch sản xuất,..

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực. Giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức vụ | CP sở hữu | Tỷ lệ |
|----|--------------------|--------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Trần Thị Diệu Thúy | Trưởng ban kiểm soát | 10.866 | 0,09% |
| 2 | Mai Tố Loan | Thành viên Ban kiểm soát | 6.406 | 0,05% |
| 3 | Lê Ngọc Trường | Thành viên Ban kiểm soát | 2.427 | 0,02% |
| | Tổng cộng | | 19.699 | 0,16% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Triển khai nhiệm vụ SXKD năm 2021, Công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn thách thức. Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động như sau:

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng theo đúng quy định.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- HĐQT không ngừng tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới nhằm tạo sự ổn định và phát triển lâu dài bền vững cho Thành An 96.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, đồng thời khắc phục những khó khăn, có biện pháp điều hành cần thiết hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2022.

- Ban Giám đốc thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của các đơn vị trực thuộc, đưa ra định hướng chung, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

- Tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty, sự nỗ lực phấn đấu của Cán bộ, chiến sỹ và người lao động, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ và xây dựng đơn vị ngày càng phát triển vững chắc, đã khẳng định được năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trong cơ chế thị trường mang lại lợi ích cho các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Công ty áp dụng chế độ lương cho Thành viên HĐQT, Ban Điều hành và Ban kiểm soát Công ty theo quy định của pháp luật, hài hoà với chính sách tiền lương và quỹ lương hàng năm. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách chung của toàn Công ty. Mức thu nhập trong năm của Ban điều hành như sau:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|--------------------------------|----------------------|---------|
| I | Lương, thù lao HĐQT | | 1.830.924.470 | |
| 1 | Phan Xuân Bằng | Chủ tịch HĐQT | 446.840.472 | |
| 2 | Hoàng Đức Trúc | Thành viên HĐQT-Giám đốc | 460.416.472 | |
| 3 | Đặng Đình Khiêm | Phó CT HĐQT-Phó giám đốc | 401.578.057 | |
| 4 | Trịnh Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT-Kế toán trưởng | 358.464.772 | |
| 5 | Nguyễn Xuân Hà | Thành viên HĐQT | 13.016.352 | |
| 6 | Phạm Văn Lê | Phó giám đốc | 150.608.345 | |
| II | Lương, thù lao BKS | | 176.054.342 | |
| 1 | Trần Thị Diệu Thúy | Trưởng ban kiểm soát | 163.688.774 | |
| 2 | Mai Tô Loan | Thành viên Ban kiểm soát | 6.182.784 | |
| 3 | Lê Ngọc Trường | Thành viên Ban kiểm soát | 6.182.784 | |
| | Tổng cộng | | 2.006.978.812 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Trong năm 2021, bà Trịnh Thị Thu Hương, Thành viên HĐQT, kế toán trưởng, người ủy quyền công bố thông tin bán: 21.500CP. Bà Trịnh Thị Thu Hương đã đăng ký công bố thông tin theo đúng quy định.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có giao dịch

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, Điều lệ công ty, Quy định của pháp luật. Thực hiện các Nghị quyết, quyết định giúp cho hiệu quả kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật (gửi kèm)

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 4 năm 2022

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Hoàng Đức Trúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng Cân đối kế toán tổng hợp | 6 - 7 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | 8 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | 9 - 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp | 11 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Bình đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 03 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính của Công ty: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|--|
| Ông Phan Xuân Bằng | Chủ tịch |
| Ông Đặng Đình Khiêm | Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/4/2021) |
| Ông Phạm Văn Lê | Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/4/2021) |
| Ông Hoàng Đức Trúc | Thành viên |
| Bà Trịnh Thị Thu Hương | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Hà | Thành viên |

Ban Kiểm soát

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Trần Thị Diệu Thúy | Trưởng ban |
| Bà Mai Tố Loan | Thành viên |
| Ông Lê Ngọc Trường | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|---------------------|--------------|
| Ông Hoàng Đức Trúc | Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Lê | Phó Giám đốc |
| Ông Đặng Đình Khiêm | Phó Giám đốc |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



Hoàng Đức Trúc

Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 167/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, được lập ngày 30/3/2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.3 - Thông tin so sánh tại phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Biên bản kiểm toán nhà nước ngày 22/7/2021.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



A blue handwritten signature of Vũ Xuân Hùng.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

22
Y
4
A
M
1
2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| TÀI SẢN | MS | TM | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 1.379.059.729.098 | 1.085.721.797.720 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 502.430.459.352 | 183.422.573.563 |
| 1. Tiền | 111 | | 204.501.270.381 | 53.422.573.563 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 297.929.188.971 | 130.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 547.552.824.144 | 644.459.376.472 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 410.949.272.322 | 473.292.481.916 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 15.289.681.812 | 18.070.715.510 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | 5.4 | 3.896.269.966 | 9.592.497.054 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.5 | 19.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.6 | 103.488.148.928 | 140.311.742.530 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.7 | (5.070.548.884) | (7.808.060.538) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.8 | 294.394.157.505 | 230.158.216.304 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 294.394.157.505 | 230.158.216.304 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 34.682.288.097 | 27.681.631.381 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.11 | 37.500.000 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.648.468.523 | 1.136.274.860 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.14 | 31.996.319.574 | 26.545.356.521 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260) | 200 | | 49.649.052.874 | 65.163.437.383 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 42.597.746.615 | 55.919.994.945 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.9 | 38.586.671.315 | 51.858.919.645 |
| - Nguyên giá | 222 | | 171.028.716.990 | 193.062.085.260 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (132.442.045.675) | (141.203.165.615) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.10 | 4.011.075.300 | 4.061.075.300 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.455.853.078 | 8.455.853.078 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.444.777.778) | (4.394.777.778) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 7.051.306.259 | 9.243.442.438 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.11 | 7.051.306.259 | 9.243.442.438 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 1.428.708.781.972 | 1.150.885.235.103 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| NGUỒN VỐN | MS | TM | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310) | 300 | | 1.276.216.581.176 | 999.315.983.169 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.276.216.581.176 | 999.315.983.169 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.12 | 420.773.880.555 | 375.243.080.484 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.13 | 669.197.775.172 | 392.079.523.327 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.14 | 635.183.643 | 2.651.475.829 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 18.971.622.063 | 8.070.390.528 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 11.979.397.191 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.15 | 34.104.742.332 | 35.351.690.660 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.16 | 131.123.193.292 | 173.438.012.141 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 1.410.184.119 | 502.413.009 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 152.492.200.796 | 151.569.251.934 |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.17 | 152.492.200.796 | 151.569.251.934 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 124.197.870.000 | 124.197.870.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 124.197.870.000 | 124.197.870.000 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8.679.911.552 | 4.055.229.101 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 19.614.419.244 | 23.316.152.833 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 3.894.885 | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 19.610.524.359 | 23.316.152.833 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.428.708.781.972 | 1.150.885.235.103 |

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc




Hoàng Đức Trúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----|-----|-------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 1.226.156.406.274 | 1.484.939.967.754 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 1.226.156.406.274 | 1.484.939.967.754 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.2 | 1.144.002.882.137 | 1.381.110.608.553 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 82.153.524.137 | 103.829.359.201 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.3 | 1.692.258.807 | 1.233.754.284 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.4 | 10.859.783.150 | 18.409.512.200 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 10.859.783.150 | 18.409.512.200 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.5 | 49.332.455.071 | 57.789.709.610 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 23.653.544.723 | 28.863.891.675 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 1.211.557.848 | 5.170.777.120 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 6.6 | 249.105.823 | 4.044.973.321 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | 6.6 | 962.452.025 | 1.125.803.799 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40) | 50 | | 24.615.996.748 | 29.989.695.474 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.7 | 5.005.472.389 | 6.673.542.641 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | 19.610.524.359 | 23.316.152.833 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.8 | 1.310,55 | 1.572,68 |

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Hoàng Đức Trúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|----|-----|-------------------|-------------------|
| | | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 24.615.996.748 | 29.989.695.474 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | | 16.911.166.601 | 20.961.201.754 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (2.737.511.654) | (1.806.678.223) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (2.247.971.528) | (1.161.084.370) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 10.859.783.150 | 18.409.512.200 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 47.401.463.317 | 66.392.646.835 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 100.837.318.581 | (32.452.721.594) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (64.235.941.201) | 107.105.218.707 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 333.983.080.575 | 118.563.687.774 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.154.636.179 | 1.930.889.743 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (10.859.783.150) | (18.409.512.200) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (6.814.870.238) | (8.242.421.557) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (2.876.059.987) | (2.134.810.001) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 399.589.844.076 | 232.752.977.707 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (3.711.645.550) | (3.351.708.385) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 678.440.000 | 391.300.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (10.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.535.847.492 | 1.030.480.311 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (9.497.358.058) | (1.929.928.074) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 446.316.022.736 | 507.654.887.498 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (488.630.841.585) | (653.893.531.475) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (28.769.781.380) | (14.750.107.616) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (71.084.600.229) | (160.988.751.593) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | 319.007.885.789 | 69.834.298.040 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 183.422.573.563 | 113.588.275.523 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 5.1 | 502.430.459.352 | 183.422.573.563 |

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Hoàng Đức Trúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, tiền thân là Công ty Xây lắp 96 trực thuộc Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3073/QĐ-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400100545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 01 năm 2008, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ chín (09) ngày 03 tháng 10 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Thanh An 96 Installation and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Continta 96 Jsc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 09 (chín) là: 124.197.870.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), tương đương 12.419.787 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: TA9.

Trụ sở chính: Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Tổng số lao động Công ty tại ngày 31/12/2021 là 2.555 người (tại ngày 31/12/2020 là 1.896 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh: Xây dựng nhà các loại; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, kiểm định thí nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm định xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán lẻ ô tô con; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm; Cung ứng lao động tạm thời; Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đồ uống; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất giương, tủ, bàn, ghế; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp-giao thông(đường bộ); Đại lý du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp; Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động thiết kế chuyên dụng (chi tiết: hoạt động trang trí nội thất); Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; Dịch vụ tắm hơi, matxa và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao), chi tiết là hoạt động tắm hơi, matxa; Địa điểm sản xuất, khai thác, sửa chữa, cưa xẻ gỗ ngoài địa bàn TP Đà Nẵng .

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây lắp các công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Văn phòng Cơ quan Công ty;
- Xí nghiệp Xây lắp 33: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 54: Số 88 Nguyễn Chánh, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Xí nghiệp Xây lắp 74: Số 96B Trần Phú, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Xí nghiệp Xây lắp 79: Số 699 Vũ Tông Phan, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh Quảng Trị: Số 34 Nguyễn Du, phường 5, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 86A ngách 358/25 Bùi Xương Trạch, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng: Tổ 5, Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Dùng hoạt động Theo Quyết định số 283/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2021 của HĐQT Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96).
- Chi nhánh Miền Nam: 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền. một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <i>Số năm</i> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 08 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 04 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 05 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 04 - 10 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Quyền khai thác mỏ đá: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty chi ra liên quan đến quyền khai thác mỏ đá.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

| | <i>(Số năm)</i> |
|--|----------------------|
| Quyền khai thác tại mỏ đá Suối Mơ | 07 |
| Phần mềm kế toán | 03 |
| Quyền sử dụng 3.775 m ² đất tại Núi Thành, Quảng Nam | 08 |
| Quyền sử dụng đất lâu dài tại 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh | Không trích khấu hao |

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp trên địa bàn duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 5.966.891.252 | 4.107.303.745 |
| Tiền gửi ngân hàng | 198.534.379.129 | 49.315.269.818 |
| Các khoản tương đương tiền | 297.929.188.971 | 130.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i> | <i>297.929.188.971</i> | <i>130.000.000.000</i> |
| Tổng | 502.430.459.352 | 183.422.573.563 |

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - PGD Ngũ Hành Sơn, tổng số tiền 87.929.188.971 đồng, thời hạn 01 tháng, lãi suất 3-3,2%/năm và khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng, tổng số tiền 210 tỷ đồng, thời hạn 01-03 tháng, lãi suất 2,5-3,2%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | 410.949.272.322 | 473.292.481.916 |
| BQL DA ĐTXD CNDD & CN tỉnh Kiên Giang | 63.106.130.064 | 147.375.187.566 |
| Các khách hàng khác | 347.843.142.258 | 325.917.294.350 |
| Tổng | 410.949.272.322 | 473.292.481.916 |

5.3 Trả trước cho người bán

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 15.289.681.812 | 18.070.715.510 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sateco | - | 2.964.101.125 |
| Các khách hàng khác | 15.289.681.812 | 15.106.614.385 |
| Tổng | 15.289.681.812 | 18.070.715.510 |

5.4 Phải thu nội bộ ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | 3.896.269.966 | 9.592.497.054 |
| Tổng | 3.896.269.966 | 9.592.497.054 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 | - | 2.000.000.000 |
| Công ty TNHH TMDV Trung Anh (*) | 10.000.000.000 | - |
| Tổng | 19.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| <i>Trong đó phải thu các bên liên quan, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1</i> | <i>9.000.000.000</i> | <i>11.000.000.000</i> |

(*) Cho vay theo Hợp đồng số vay vốn số 01/TA96-TA ngày 12/3/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/TA96-TA ngày 29/12/2021 giữa Công ty cổ phần Xây lắp Thành An 96 và Công ty TNHH TMDV Trung Anh, số tiền cho vay 10 tỷ VND. Thời hạn vay đến ngày 31/12/2022.

5.6 Phải thu khác

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 103.488.148.928 | - | 140.311.742.530 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 5.200.930.805 | - | 78.215.880 | - |
| Tạm ứng | 92.610.000.380 | - | 129.268.182.305 | - |
| Phải thu khác | 5.677.217.743 | - | 10.965.344.345 | - |
| <i>Các khoản phải thu khác</i> | <i>5.677.217.743</i> | <i>-</i> | <i>10.965.344.345</i> | <i>-</i> |
| Tổng | 103.488.148.928 | - | 140.311.742.530 | - |

5.7 Nợ xấu

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|----------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán | 5.070.548.884 | - | 8.376.120.738 | 568.060.200 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| | Quá hạn tháng - 1 năm | Quá hạn 1-2 năm | Quá hạn 2-3 năm | Quá hạn trên 3 năm |
| Công trình cầu Phụng Du | - | - | - | 3.054.006.644 |
| Các công trình khác | - | - | - | 2.016.542.240 |
| Tổng | - | - | - | 5.070.548.884 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 16.819.133.856 | - | 1.508.703.105 | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 20.974.644 | - |
| Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang | 277.575.023.649 | - | 228.628.538.555 | - |
| CT Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang 1.020 giường | 91.941.584.253 | - | 70.787.070.909 | - |
| Các công trình khác | 185.633.439.396 | - | 157.841.467.646 | - |
| Tổng | 294.394.157.505 | - | 230.158.216.304 | - |

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2021 | 40.181.010.780 | 83.034.375.823 | 68.706.041.475 | 1.140.657.182 | 193.062.085.260 |
| Tăng trong năm | 183.981.005 | 3.350.854.545 | - | 176.810.000 | 3.711.645.550 |
| Mua trong năm | 183.981.005 | 3.350.854.545 | - | 176.810.000 | 3.711.645.550 |
| Giảm trong năm | - | 23.647.655.366 | 1.957.358.454 | 140.000.000 | 25.745.013.820 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 23.647.655.366 | 1.957.358.454 | 140.000.000 | 25.745.013.820 |
| Số dư tại 31/12/2021 | 40.364.991.785 | 62.737.575.002 | 66.748.683.021 | 1.177.467.182 | 171.028.716.990 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2021 | 14.680.927.296 | 68.411.431.346 | 57.394.976.632 | 715.830.341 | 141.203.165.615 |
| Tăng trong năm | 2.192.325.736 | 8.052.274.387 | 6.508.935.229 | 107.631.249 | 16.861.166.601 |
| Khấu hao trong năm | 2.192.325.736 | 8.052.274.387 | 6.508.935.229 | 107.631.249 | 16.861.166.601 |
| Giảm trong năm | - | 23.524.928.087 | 1.957.358.454 | 140.000.000 | 25.622.286.541 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 23.524.928.087 | 1.957.358.454 | 140.000.000 | 25.622.286.541 |
| Số dư tại 31/12/2021 | 16.873.253.032 | 52.938.777.646 | 61.946.553.407 | 683.461.590 | 132.442.045.675 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2021 | 25.500.083.484 | 14.622.944.477 | 11.311.064.843 | 424.826.841 | 51.858.919.645 |
| Tại 31/12/2021 | 23.491.738.753 | 9.798.797.356 | 4.802.129.614 | 494.005.592 | 38.586.671.315 |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 6.203.759.041 VND (tại ngày 31/12/2020 là 12.368.359.033 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 63.370.440.159 VND (tại ngày 31/12/2020 là 71.276.171.687 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

| | Quyền khai thác mỏ đá | Quyền sử dụng đất | Phần mềm kế toán | Tổng |
|-------------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | |
| Số dư tại 01/01/2021 | 4.000.000.000 | 4.311.075.300 | 144.777.778 | 8.455.853.078 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2021 | 4.000.000.000 | 4.311.075.300 | 144.777.778 | 8.455.853.078 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư tại 01/01/2021 | 4.000.000.000 | 250.000.000 | 144.777.778 | 4.394.777.778 |
| Tăng trong năm | - | 50.000.000 | - | 50.000.000 |
| Khấu hao trong năm | - | 50.000.000 | - | 50.000.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - |
| Số dư tại 31/12/2021 | 4.000.000.000 | 300.000.000 | 144.777.778 | 4.444.777.778 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại 01/01/2021 | - | 4.061.075.300 | - | 4.061.075.300 |
| Tại 31/12/2021 | - | 4.011.075.300 | - | 4.011.075.300 |

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm 3.775 m² đất rừng sản xuất tại Hồ Lá, thôn Đông Yên, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, thời gian sử dụng đất đến tháng 11/2060 và 156 m² đất sử dụng lâu dài tại địa chỉ 221-ĐIII đường số III, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 4.144.777.778 VND (tại ngày 31/12/2020 là: 4.144.777.778 VND).

5.11 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ngắn hạn | 37.500.000 | - |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 37.500.000 | - |
| Dài hạn | 7.051.306.259 | 9.243.442.438 |
| Chi phí CCDC, máy thi công | 3.938.836.121 | 4.876.502.798 |
| Chi phí sửa chữa | 1.744.764.154 | 672.948.385 |
| Đồ dùng văn phòng | 438.456.197 | 367.915.939 |
| Chi phí mỏ đá | 929.249.787 | 1.045.406.010 |
| Chi phí khác | - | 2.280.669.306 |
| Tổng | 7.088.806.259 | 9.243.442.438 |

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | 420.773.880.555 | 420.773.880.555 | 375.243.080.484 | 375.243.080.484 |
| Các khách hàng khác | 420.773.880.555 | 420.773.880.555 | 375.243.080.484 | 375.243.080.484 |
| Tổng | 420.773.880.555 | 420.773.880.555 | 375.243.080.484 | 375.243.080.484 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | 669.197.775.172 | 392.079.523.327 |
| BQL DA ĐTXD Các công trình dân dụng và công nghiệp TP Hồ Chí Minh | 181.269.846.443 | - |
| Các khách hàng khác | 487.927.928.729 | 392.079.523.327 |
| Tổng | 669.197.775.172 | 392.079.523.327 |

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2021 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2021 <i>Đơn vị tính: VND</i> |
|--|-----------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------------------|
| Phải nộp | 2.651.475.829 | 6.569.948.253 | 8.586.240.439 | 635.183.643 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.252.708.830 | 5.005.472.389 | 6.814.870.238 | 443.310.981 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 182.805.730 | 1.496.680.995 | 1.487.614.063 | 191.872.662 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 147.431.499 | 33.558.173 | 180.989.672 | - |
| Thuế bảo vệ môi trường và thuế khác | - | 11.000.000 | 11.000.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 68.529.770 | 23.236.696 | 91.766.466 | - |
| Phải thu | 26.545.356.521 | 11.025.229.883 | 16.476.192.936 | 31.996.319.574 |
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa | 26.545.356.521 | 11.025.229.883 | 16.476.192.936 | 31.996.319.574 |

5.15 Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | 34.104.742.332 | 35.351.690.660 |
| Kinh phí công đoàn | 1.289.614.344 | 1.349.788.182 |
| Bảo hiểm xã hội | 90.153.222 | 43.585.428 |
| Bảo hiểm y tế | 33.351.755 | 34.335.150 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 32.685.060.131 | 33.915.270.190 |
| <i>Phải trả cổ tức</i> | <i>58.867.604</i> | <i>13.924.904.584</i> |
| <i>Phải trả tiền thuê đất</i> | <i>884.625.000</i> | <i>884.625.000</i> |
| <i>Phí quản lý Tổng công ty Thành An</i> | <i>17.013.421.634</i> | <i>15.979.101.119</i> |
| <i>Tiền bảo lãnh hợp đồng các công trình Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Đại Nam Chu Lai</i> | <i>-</i> | <i>1.642.091.117</i> |
| <i>Các khoản phải trả khác</i> | <i>3.100.782.993</i> | <i>1.484.548.370</i> |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 6.562.880 | 8.711.710 |
| Tổng | 34.104.742.332 | 35.351.690.660 |
| <i>Trong đó: phải trả các bên liên quan, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1</i> | <i>17.013.421.634</i> | <i>29.182.220.119</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

| | Phát sinh trong năm | | | | Đơn vị tính: VND | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------|-------|
| | 31/12/2021 | 01/01/2021 | | | | | | |
| | Giá trị | khả năng trả nợ | Số có | Tăng | Giảm | Giá trị | khả năng trả nợ | Số có |
| Vay ngắn hạn | 131.123.193.292 | 131.123.193.292 | 446.316.022.736 | 488.630.841.585 | 173.438.012.141 | 173.438.012.141 | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng (1) | 97.718.203.653 | 97.718.203.653 | 276.866.588.500 | 319.466.090.934 | 140.317.706.087 | 140.317.706.087 | | |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội Đà Nẵng (2) | 33.404.989.639 | 33.404.989.639 | 169.449.434.236 | 167.372.124.857 | 31.327.680.260 | 31.327.680.260 | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và dịch vụ thương mại PNT (3) | - | - | - | 1.792.625.794 | 1.792.625.794 | 1.792.625.794 | | |
| Tổng | 131.123.193.292 | 131.123.193.292 | 446.316.022.736 | 488.630.841.585 | 173.438.012.141 | 173.438.012.141 | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THÀNH AN 96

Số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 24/5/2021 giữa ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Ngũ Hành Sơn và Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 với hạn mức cho vay tối đa 250.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT486-TA96 ngày 25/12/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCV-SĐBS 01/NHCT486-TA96 ngày 26/02/2020; và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay với bên vay theo liệt kê chi tiết tại phụ lục I hợp đồng này. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân. Thời gian cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng. Thời hạn duy trì hạn mức từ 05/2021 đến 05/2022. Biện pháp đảm bảo gồm: Quyền tài sản tại các hợp đồng thế chấp quyền tài sản số: 01/2013/HĐTC-QTS-TA96 ngày 16/10/2013; 01/QTS/TA96 ngày 16/09/2016; 02/QST/TA96 ngày 22/09/2016; 01/2017-TA96 ngày 12/10/2017; 02/2017-TA96 ngày 12/10/2017; 03/2017-TA96 ngày 23/10/2017; 04/2017-TA96 ngày 09/11/2017; 05/2017-TA96 ngày 30/11/2017; 06/2017-TA96 ngày 20/12/2017; 07/2017-TA96 ngày 13/12/2017; 08/2017-TA96 ngày 14/12/2017; 09/2017-TA96 ngày 15/12/2017; 10/2017-TA96 ngày 22/12/2017; 11/2017-TA96 ngày 25/12/2017; 12/2017-TA96 ngày 26/12/2017; 01/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 23/04/2018; 03/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 04/05/2018; 04/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 11/05/2018; 06/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 21/05/2018; 07/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 29/06/2018; 08/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 27/07/2018; 09/2018/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 31/08/2018; 01/2020/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 21/05/2020; 02/2020/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 03/06/2020; 03/2020/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 26/10/2020; 04/2020/HĐBĐ/NHCT486-TA96 ngày 21/12/2020; Máy móc thiết bị và xe máy đào tại hợp đồng thế chấp động sản số 01/2018/HĐBĐ/NHCT486 ngày 06/09/2018; Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại hợp đồng thế chấp động sản số 01/2019/HĐBĐ/NTCT486 ngày 15/07/2019; Toàn bộ hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 02/2019/HĐBĐ/NTCT486-TA96 ngày 25/12/2019; Quyền tài sản tại hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2021/HĐTC-QTS-TA96 ngày 24/5/2021.

(2): Hợp đồng cấp tín dụng số 48248.21.301.50099.TD ngày 07/09/2021 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96 với tổng hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán là 150.000.000.000 đồng, giá trị HMTD đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc theo hợp đồng cấp tín dụng số 58733.20.301.50099.TD ngày 10/11/2020. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 13/08/2022. Biện pháp đảm bảo là các động sản, quyền tài sản phát sinh trong các hợp đồng thi công xây dựng công trình với tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tối đa là 70%, kèm theo danh sách cụ thể trong hợp đồng.

(3): Hợp đồng cho vay tiền số 01/2019/HĐTD ngày 20/5/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ thương mại PNT và XNXL 79- CN Công ty Cổ phần Xây lập Thành An 96, thời hạn vay 1 năm, số tiền vay tối đa 4.000.000.000 đồng, lãi suất 0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng |
|-----------------------------|------------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Số dư tại 01/01/2020 | 124.197.870.000 | 4.055.229.101 | 18.629.680.500 | 146.882.779.601 |
| Lãi trong năm trước | - | - | 23.316.152.833 | 23.316.152.833 |
| Chia trả cổ tức 2019 | - | - | (18.629.680.500) | (18.629.680.500) |
| Số dư tại 31/12/2020 | 124.197.870.000 | 4.055.229.101 | 23.316.152.833 | 151.569.251.934 |
| Số dư tại 01/01/2021 | 124.197.870.000 | 4.055.229.101 | 23.316.152.833 | 151.569.251.934 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 19.610.524.359 | 19.610.524.359 |
| Trích lập các quỹ (*) | - | 4.624.682.451 | (8.408.513.548) | (3.783.831.097) |
| Chia trả cổ tức 2020 (*) | - | - | (14.903.744.400) | (14.903.744.400) |
| Số dư tại 31/12/2021 | 124.197.870.000 | 8.679.911.552 | 19.614.419.244 | 152.492.200.796 |

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2020 được phân phối như sau:

- + Chia cổ tức: 14.903.744.400 đồng;
- + Quỹ đầu tư phát triển: 4.624.682.451 đồng;
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.363.831.097 đồng;
- + Quỹ thưởng Ban Điều hành: 420.000.000 đồng.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

| | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | 63.343.730.000 | 63.343.730.000 |
| Các Cổ đông khác | 60.854.140.000 | 60.854.140.000 |
| Tổng | 124.197.870.000 | 124.197.870.000 |

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu năm | 124.197.870.000 | 124.197.870.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 124.197.870.000 | 124.197.870.000 |
| Cổ tức, Lợi nhuận đã chia | 23.312.257.948 | 18.629.680.500 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP) | 10.000 | 10.000 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 1.226.156.406.274 | 1.484.939.967.754 |
| Tổng | 1.226.156.406.274 | 1.484.939.967.754 |

6.2 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn xây lắp | 1.144.002.882.137 | 1.381.110.608.553 |
| Tổng | 1.144.002.882.137 | 1.381.110.608.553 |

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.692.258.807 | 1.233.754.284 |
| Tổng | 1.692.258.807 | 1.233.754.284 |

6.4 Chi phí tài chính

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 10.859.783.150 | 18.409.512.200 |
| Tổng | 10.859.783.150 | 18.409.512.200 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 24.088.764.934 | 24.427.998.447 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 910.808.893 | 2.443.190.133 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 4.688.698.021 | 4.754.206.678 |
| Chi phí dự phòng | (2.737.511.654) | - |
| Thuế phí và lệ phí | 960.360.994 | 943.069.173 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.080.648.222 | 18.163.382.050 |
| Chi phí bằng tiền khác | 8.340.685.661 | 7.057.863.129 |
| Tổng | 49.332.455.071 | 57.789.709.610 |

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập khác | | |
| Thanh lý tài sản cố định | 555.712.721 | 130.604.059 |
| Cho thuê mặt bằng, thiết bị | 501.818.182 | 3.502.424.243 |
| Thu nhập khác | 154.026.945 | 1.537.748.818 |
| Tổng | 1.211.557.848 | 5.170.777.120 |
| Chi phí khác | | |
| Phân bổ chi phí mở đá sỏi Mơ | 128.656.223 | 2.547.022.131 |
| Chi phí khác | 120.449.600 | 1.497.951.190 |
| Tổng | 249.105.823 | 4.044.973.321 |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuần) | 962.452.025 | 1.125.803.799 |

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 24.615.996.748 | 29.989.695.474 |
| Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế | 385.905.196 | 2.468.140.923 |
| <i>Chi phí không hợp lý</i> | 385.905.196 | 2.468.140.923 |
| Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 25.001.901.944 | 32.457.836.397 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Thuế TNDN phải nộp | 5.000.380.389 | 6.491.567.278 |
| Truy thu thuế của năm trước | 5.092.000 | 181.975.363 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 5.005.472.389 | 6.673.542.641 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 19.610.524.359 | 23.316.152.833 |
| Các khoản điều chỉnh | - | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| <i>Số điều chỉnh giảm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành (**)</i> | <i>(3.333.789.141)</i> | <i>(3.783.831.097)</i> |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 16.276.735.218 | 19.532.321.736 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu) | 12.419.787 | 12.419.787 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) | 1.310,55 | 1.572,68 |

(*): Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được tính theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 22/7/2021 là 23.316.152.833 đồng.

(**): Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành năm 2020 và năm 2021 xác định như sau:

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành năm 2020:

Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành năm 2020 được xác định theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng Ban điều hành là 3.783.831.097 đồng.

Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

| | Số trình bày lại | Số năm trước đã trình bày | Chênh lệch |
|---|------------------|---------------------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp (VND) | 23.316.152.833 | 23.312.257.948 | 3.894.885 |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND) | (3.783.831.097) | (4.901.612.000) | 1.117.780.903 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 19.532.321.736 | 18.410.645.948 | (1.113.886.018) |
| Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 12.419.787 | 12.419.787 | - |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) | 1.572,68 | 1.482,36 | 90,31 |

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2021:

Được tạm tính theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 15/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Số liệu chính thức sẽ được ĐHCĐ thông qua vào năm 2022. Mức tạm trích như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15,5% lợi nhuận sau thuế, tương ứng 3.039.631.276 VND;

- Quỹ khen thưởng Ban điều hành: 1,5% lợi nhuận sau thuế, tương ứng 294.157.865 VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí sản xuất theo yếu tố

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 680.235.808.373 | 864.764.311.058 |
| Chi phí nhân công | 285.036.365.243 | 254.232.324.205 |
| Chi phí khấu hao | 16.911.166.601 | 20.961.201.754 |
| Chi phí dự phòng | (2.737.511.654) | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 290.646.921.785 | 173.328.996.921 |
| Chi phí khác bằng tiền | 9.301.046.655 | 28.069.446.146 |
| | 1.279.393.797.003 | 1.341.356.280.084 |

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Phan Xuân Bằng | Chủ tịch HĐQT |
| Nguyễn Ngọc Huệ | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 12/5/2020) |
| Hoàng Đức Trúc | Thành viên HĐQT, Giám đốc |
| Trịnh Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng |
| Phạm Văn Lê | Phó Giám đốc |
| Nguyễn Xuân Hà | Thành viên HĐQT |
| Đặng Đình Khiêm | Phó Giám đốc |
| Phạm Hữu Trung | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/6/2020) |
| Trần Thị Diệu Thúy | Trưởng ban kiểm soát |
| Lê Ngọc Trường | Thành viên Ban kiểm soát |
| Mai Tổ Loan | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ngô Sỹ Nguyên | Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12/5/2020) |
| Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | Cùng Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 | Cùng Công ty mẹ |

Số dư với các bên có liên quan

| Bên liên quan | Mối quan hệ | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải trả khác | | 17.013.421.634 | 29.182.220.119 |
| Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | Công ty mẹ | 17.013.421.634 | 29.182.220.119 |
| Các khoản phải thu nội bộ | | 3.896.269.966 | 9.592.497.054 |
| Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | Công ty mẹ | 3.896.269.966 | 9.592.497.054 |
| Phải thu về cho vay | | 9.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| Ban Quản lý 11S - Tổng Công ty Thành An - Công ty TNHH MTV | Cùng Công ty mẹ | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386 | Cùng Công ty mẹ | - | 2.000.000.000 |

N: CO TI EN AV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Lương và thù lao của HĐQT, BGD và BKS | Lương và thù lao | 2.006.978.812 | 2.428.403.878 |

Chi tiết như sau:

Lương và Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| Phan Xuân Bằng | Chủ tịch HĐQT | 446.840.472 | 388.174.213 |
| Nguyễn Ngọc Huệ | Chủ tịch HĐQT (đến ngày 12/5/2020) | - | 177.937.223 |
| Hoàng Đức Trúc | Thành viên HĐQT, Giám đốc | 460.416.472 | 433.964.119 |
| Trịnh Thị Thu Hương | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng | 358.464.772 | 344.508.085 |
| Phạm Văn Lê | Phó Giám đốc | 150.608.345 | 382.929.044 |
| Nguyễn Xuân Hà | Thành viên HĐQT | 13.016.352 | 12.819.360 |
| Đặng Đình Khiêm | Phó Giám đốc | 401.578.057 | 352.645.072 |
| Phạm Hữu Trung | Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29/6/2020) | - | 156.571.429 |

Lương và Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|--------------------|--|-------------------------|-------------------------|
| Trần Thị Diệu Thúy | Trưởng ban | 163.688.774 | 164.554.854 |
| Lê Ngọc Trường | Thành viên | 6.182.784 | 6.089.208 |
| Mai Tố Loan | Thành viên | 6.182.784 | 6.089.208 |
| Ngô Sỹ Nguyên | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 12/5/2020) | - | 2.122.063 |

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Kể từ ngày 01/01/2022, Ông Hoàng Xuân Thơm được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Công ty theo Quyết định số 331/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 sẽ được ký bởi Ông Hoàng Xuân Thơm - chức danh Kế toán trưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 22/7/2021. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

| Chi tiêu | Mã số | Số dư tại | | Chênh lệch VND |
|--|------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|
| | | 01/01/2021 VND | Số dư tại 31/12/2020 VND | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | 1.085.721.797.720 | 1.090.341.145.872 | (4.619.348.152) |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 644.459.376.472 | 643.343.850.499 | 1.115.525.973 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 473.292.481.916 | 472.380.229.916 | 912.252.000 |
| phải thu ngắn hạn khác | 136 | 140.311.742.530 | 140.108.468.557 | 203.273.973 |
| Hàng tồn kho | 140 | 230.158.216.304 | 234.234.450.793 | |
| Hàng tồn kho | 141 | 230.158.216.304 | 234.234.450.793 | (4.076.234.489) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 27.681.631.381 | 29.340.271.017 | (1.658.639.636) |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 1.136.274.860 | 2.794.914.496 | (1.658.639.636) |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | 1.150.885.235.103 | 1.155.504.583.255 | (4.619.348.152) |
| NỢ PHẢI TRẢ (300=310) | 300 | 999.315.983.169 | 1.003.939.226.206 | (4.623.243.037) |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 999.315.983.169 | 1.003.939.226.206 | (4.623.243.037) |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 392.079.523.327 | 409.412.307.327 | (17.332.784.000) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 2.651.475.829 | 2.054.025.809 | 597.450.020 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 11.979.397.191 | - | 11.979.397.191 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 35.351.690.660 | 35.218.996.908 | 132.693.752 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 151.569.251.934 | 151.565.357.049 | 3.894.885 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 151.569.251.934 | 151.565.357.049 | 3.894.885 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 23.316.152.833 | 23.312.257.948 | 3.894.885 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 23.316.152.833 | 23.312.257.948 | 3.894.885 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | | 1.150.885.235.103 | 1.155.504.583.255 | (4.619.348.152) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

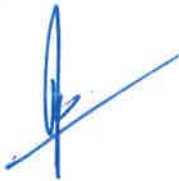
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tổng hợp

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2020 (sau điều chỉnh) | Năm 2020 (trước điều chỉnh) | Chênh lệch |
|--|-------|------------------------------|--------------------------------|----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 1.484.939.967.754 | 1.468.353.571.390 | 16.586.396.364 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | 1.484.939.967.754 | 1.468.353.571.390 | 16.586.396.364 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 1.381.110.608.553 | 1.365.054.976.873 | 16.055.631.680 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | 103.829.359.201 | 103.298.594.517 | 530.764.684 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1.233.754.284 | 1.030.480.311 | 203.273.973 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 57.789.709.610 | 57.657.015.858 | 132.693.752 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | 28.863.891.675 | 28.262.546.770 | 601.344.905 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | 29.989.695.474 | 29.388.350.569 | 601.344.905 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.673.542.641 | 6.076.092.621 | 597.450.020 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | 23.316.152.833 | 23.312.257.948 | 3.894.885 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 1.572,68 | 1.482,36 | 90,31 |

Người lập



Nguyễn Văn Thành

Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Thơm

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2022
Giám đốc



Hoàng Đức Trúc